

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA QUẢN TRỊ KINH DOANH

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Quản trị học		
Mã học phần:	71MANA20013	Số tin chỉ:	03
Mã nhóm lớp học phần:	241_71MANA20013		
Hình thức thi:	Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	90 phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☐ Có	☒ Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
 - + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1
 - + **Mã học phần**_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (***nén lại và đặt mật khẩu file nén***) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Giải thích các khái niệm và nguyên lý của quản trị thông qua các thảo luận về môi trường quản trị và các chủ đề quan trọng xoay quanh bốn chức năng quản trị cơ bản trong một tổ chức, bao gồm: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát.	Trắc nghiệm	50%	Câu: 1-40	5.0	PI2.1, A
		Tự luận	20%	Câu 1	2.0	
CLO2	Vận dụng kiến thức và nguyên lý quản trị để nhận dạng và giải quyết các vấn đề doanh nghiệp thông qua các câu hỏi ứng dụng và bài tập tình huống trong môn học.	Tự luận	30%	Câu 2	3.0	PI3.1, A

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (40 câu hỏi + 0.125 điểm/câu)

1. Trước khi thiết lập các cuộc phỏng vấn cho vị trí điều hành, anh Ân đã dành rất nhiều thời gian để phân tích vị trí này và xác định những kỹ năng, thái độ và hành động mà vị trí này yêu cầu. Sự đánh giá chi tiết này được gọi là _____.

- A. phân tích công việc
- B. mô tả công việc
- C. tiêu chuẩn công việc
- D. chức danh công việc

ANSWER: A

2. Quy trình phản hồi 360 độ (360-degree feedback) khác với các phương pháp đánh giá còn lại ở chỗ nó bao gồm _____.

- A. phản hồi từ nhân viên
- B. một bài viết luận
- C. phản hồi từ người giám sát của nhân viên
- D. phản hồi trung thực

ANSWER: A

3. Để sử dụng một bài kiểm tra thể lực làm một phương pháp để tuyển chọn nhân viên, công ty đó phải chứng minh rằng _____.

- A. thể lực có liên quan đến thành tích công việc
- B. bài kiểm tra công bằng
- C. bài kiểm tra đáng tin cậy
- D. bài kiểm tra không phân biệt đối xử với những người khuyết tật về thể chất

ANSWER: A

4. Nội dung nào bên dưới là yếu tố quan trọng nhất để xác định mức lương mà một nhân viên nhận được?

- A. loại công việc mà nhân viên làm
- B. trình độ học vấn của nhân viên
- C. kinh nghiệm của nhân viên
- D. lượng thời gian và công sức mà nhân viên dành cho công việc

ANSWER: A

5. Nội dung nào bên dưới là một bất lợi chính đối với việc tuyển dụng thông qua sự giới thiệu của nhân viên đang làm việc trong công ty?

- A. không tăng tính đa dạng
- B. giới hạn trong các vị trí chưa có kinh nghiệm
- C. chi phí cao
- D. ứng viên có kỹ năng thấp

ANSWER: A

6. Nội dung nào bên dưới là mục tiêu của việc lập kế hoạch nhân sự (employment planning)?

- A. chọn được nhân viên có năng lực
- B. chọn được nhân viên có năng lực với các kỹ năng mới nhất

- C. chọn được nhân viên vừa có năng lực vừa có thành tích cao
- D. chọn được chỉ những nhân viên có thành tích cao

ANSWER: A

7. Hoạt động quản lý nguồn nhân lực quan tâm đến _____ nhân viên có năng lực.

- A. tuyển dụng, đào tạo, tạo động lực, duy trì
- B. tuyển dụng
- C. tuyển dụng, đào tạo, tạo động lực
- D. đào tạo và duy trì

ANSWER: A

8. Nếu kế hoạch nhân lực cho thấy một lượng lớn nhân viên dư thừa, ban giám đốc có thể muốn _____.

- A. cắt giảm
- B. tuyển dụng
- C. mở rộng
- D. tiếp tục với mức việc làm hiện tại

ANSWER: A

9. Đội làm việc của Đào có văn phòng riêng, lập kế hoạch và lên lịch trình riêng, và thậm chí chịu trách nhiệm đánh giá kết quả làm việc lẫn nhau. Đào là một phần của _____.

- A. Đội tự quản (self-managed team)
- B. Đội ảo (virtual team)
- C. Đội giải quyết vấn đề (problem-solving team)
- D. Nhóm làm việc (work group)

ANSWER: A

10. Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Mục tiêu chính của đội làm việc là kết quả làm việc tập thể.
- B. Mục tiêu chính của đội làm việc là chia sẻ thông tin.
- C. Mục tiêu chính của nhóm làm việc là kết quả làm việc tập thể.
- D. Mục tiêu chính của nhóm làm việc là sức mạnh tổng hợp.

ANSWER: A

11. Sự gắn kết cao trong nhóm kết hợp với sự liên kết chặt chẽ giữa mục tiêu của nhóm và mục tiêu của tổ chức thường dẫn đến kết quả nào sau đây?

- A. Năng suất tăng mạnh
- B. Năng suất giảm mạnh
- C. Năng suất giảm nhẹ
- D. Năng suất không đổi

ANSWER: A

12. Việc một người đảm nhiệm vị trí hoặc cấp bậc không phù hợp có thể làm cho những nhân viên khác cảm thấy thất vọng vì điều đó báo hiệu những thành tựu đạt được trong tổ chức _____.

- A. không phải lúc nào cũng được khen thưởng một cách công bằng và chính xác
- B. luôn được khen thưởng một cách công bằng và chính xác
- C. luôn được khen thưởng

D. không bao giờ được khen thưởng

ANSWER: A

13. Các đặc điểm của một đội làm việc hiệu quả bao gồm _____.

A. Bối cảnh, thành phần, thiết kế công việc và các quy trình

B. Bối cảnh, các nguồn lực, lãnh đạo và lòng tin

C. Thành phần, sự đa dạng, tính cách cá nhân và độ lớn của đội

D. Thiết kế công việc, sự tự chủ, kỹ năng đa dạng và tầm quan trọng của nhiệm vụ

ANSWER: A

14. Sự khác biệt chính giữa nhóm làm việc (groups) và đội làm việc (teams) là _____.

A. các đội làm việc có chung mục tiêu

B. các nhóm làm việc có chung mục tiêu

C. các đội làm việc chia sẻ thông tin

D. các nhóm làm việc chia sẻ thông tin

ANSWER: A

15. Các nhóm lớn dường như hoạt động tốt hơn khi mục tiêu của nhóm là _____.

A. tìm kiếm dữ liệu, dữ kiện, sự thật

B. đạt được sự đồng thuận về sản phẩm mới

C. làm sáng tỏ sự thật

D. giải quyết vấn đề một cách nhanh chóng

ANSWER: A

16. Giai đoạn nào sau đây xảy ra nhiều xung đột nhất trong suốt quá trình phát triển nhóm?

A. Sóng gió (Storming)

B. Thành lập (Forming)

C. Định chuẩn (Norming)

D. Thành tựu (Performing)

ANSWER: A

17. Theo các lý thuyết lãnh đạo về hành vi, việc nào sau đây là khả thi?

A. đào tạo một người trở thành nhà lãnh đạo

B. chọn được nhà lãnh đạo từ một tập thể bất kì

C. giải thích lý do tại sao các nhà lãnh đạo lại thành công

D. loại bỏ những nhà lãnh đạo kém hiệu quả

ANSWER: A

18. Điều nào sau đây là một khía cạnh của lòng tin (trust), trong đó thể hiện các kỹ năng chuyên môn?

A. năng lực

B. lòng trung thành

C. sự cởi mở

D. tính chính trực

ANSWER: A

19. Một kỹ năng khó học của một trưởng nhóm là biết khi nào nên _____.

- A. để đội nhóm tự quản
- B. thể hiện sự quan tâm đến nhóm
- C. giữ quyền kiểm soát
- D. bỏ đội

ANSWER: A

20. Lãnh đạo theo tầm nhìn (visionary leadership) khác với lãnh đạo theo sức hút (charismatic leadership) vì tập trung vào _____.

- A. một hình ảnh tích cực về tương lai
- B. phần thưởng
- C. tính cách
- D. những nguy hiểm có thể xảy ra trong tương lai

ANSWER: A

21. Đặc điểm nào sau đây KHÔNG phải là đặc điểm điển hình của một nhà lãnh đạo theo sức hút (charismatic leader)?

- A. tư thế thẳng
- B. giao tiếp bằng mắt trực tiếp
- C. tư thế cơ thể thoải mái
- D. nét mặt hoạt bát

ANSWER: A

22. Fiedler giả định phong cách lãnh đạo của một người _____.

- A. là cố định
- B. là tùy thuộc vào tình hình
- C. là có thể biến đổi
- D. phát triển theo thời gian

ANSWER: A

23. Các nhà lãnh đạo đang tìm kiếm thành tích công việc đặc biệt cao từ cấp dưới có thể thử cách tiếp cận nào sau đây?

- A. định hướng thành tích (achievement oriented)
- B. hỗ trợ (supportive)
- C. định hướng (directive)
- D. tham gia (participative)

ANSWER: A

24. Lý thuyết con đường - mục tiêu (path-goal theory) xem công việc của một nhà lãnh đạo hiệu quả là _____.

- A. dọn sạch đường cho nhân viên đạt được mục tiêu
- B. cung cấp hướng dẫn rõ ràng cho nhân viên
- C. xác định mục tiêu cho nhân viên
- D. giúp nhân viên hiểu mục tiêu của lãnh đạo

ANSWER: A

25. Điều nào sau đây giải thích đầy đủ nhất tại sao biệt ngữ (jargons) trên Internet có xu hướng phát triển nhanh nhất đối với người dùng điện thoại di động hơn là người dùng máy tính?

- A. Bàn phím điện thoại di động nhỏ và khó sử dụng nên người dùng viết tắt để tránh đánh máy.
- B. Nhiều người sử dụng điện thoại di động hơn bao giờ hết, khiến họ dẫn đầu trong mọi xu hướng điện tử.
- C. Bàn phím điện thoại di động nhỏ gọn và hiệu quả, dẫn đến người dùng phải gõ thường xuyên hơn.
- D. Điện thoại di động có các chữ viết tắt được tích hợp sẵn trong các ứng dụng phần mềm. Những chữ viết tắt này dễ được người dùng chấp nhận.

ANSWER: A

26. Công ty nào sẽ ÍT có khả năng sử dụng hội nghị qua video (videoconferencing) nhất để tổ chức họp giữa các nhà thiết kế và nhà tiếp thị trong công ty?

- A. một công ty nước hoa
- B. một công ty phần mềm
- C. một công ty tài chính
- D. một công ty in ấn

ANSWER: A

27. Lý do CHÍNH nào bên dưới giải thích cho việc các nhà quản lý thường đi công tác xa để có một cuộc gặp mặt trực tiếp với ai đó?

- A. Hầu hết các cuộc giao tiếp có dùng ngôn ngữ cơ thể giúp truyền đạt thông tin tốt hơn.
- B. Thể hiện sự tôn trọng.
- C. Lo ngại về tính bảo mật khi sử dụng các hình thức truyền thông khác.
- D. Tạo cảm giác quyền lực, vị thế và tính cơ động.

ANSWER: A

28. Người nghe với tốc độ trung bình có thể hiểu ngôn ngữ được truyền đạt ở mức độ _____ người nói với tốc độ trung bình.

- A. nhanh hơn nhiều so với
- B. chậm hơn nhiều so với
- C. như nhau
- D. chậm hơn một chút so với

ANSWER: A

29. Mục tiêu nào bên dưới là phù hợp với việc lắng nghe chủ động (active listening)?

- A. hiểu được đầy đủ ý nghĩa thông điệp của người nói
- B. tránh các phán đoán hoặc diễn giải sớm về thông điệp của người nói
- C. tập trung vào người nói
- D. phát triển sự đồng cảm với người nói

ANSWER: A

30. Các tổ chức có kiểu văn hóa nào sau đây chú trọng đến việc đáp ứng nhu cầu của khách hàng?

- A. dịch vụ
- B. sản xuất
- C. sáng tạo

D. thích nghi
ANSWER: A

31. Hình thức giao tiếp nào sau đây diễn ra theo thời gian thực (real time)?

- A. Skype
 - B. fax
 - C. email
 - D. extranet
- ANSWER: A

32. Khi xem một bộ phim có ngôn ngữ nước ngoài mà bạn không hiểu và không có phụ đề, việc này cho phép bạn cảm nhận (các) hình thức giao tiếp _____.

- A. phi ngôn ngữ
 - B. ngôn ngữ nói
 - C. ngôn ngữ nói và ngôn ngữ cơ thể
 - D. ngôn ngữ nói và phi ngôn ngữ
- ANSWER: A

33. Sau một thời gian dài thời tiết mưa nhiều, doanh thu của một câu lạc bộ cầu lông trong nhà giảm mạnh trong tháng 11, nhưng vẫn phù hợp với những gì các nhà quản lý dự kiến trong tháng. Chiến lược tốt nhất mà người quản lý câu lạc bộ nên thực thi là _____.

- A. không làm gì cả
 - B. bán suất chơi cầu lông theo giờ
 - C. tăng giá mỗi giờ để tăng doanh thu
 - D. thay đổi mục tiêu hàng tháng, bắt đầu từ tháng 12
- ANSWER: A

34. Hình thức nào bên dưới phù hợp nhất với việc đo lường thành tích công việc một cách không chính thức?

- A. quan sát cá nhân
 - B. báo cáo bằng văn bản
 - C. báo cáo thống kê
 - D. báo cáo bằng lời nói
- ANSWER: A

35. Một nhược điểm của báo cáo thống kê là nó có thể bỏ sót các phương pháp đo lường có tính _____ về thành tích công việc.

- A. chủ quan
 - B. mục tiêu
 - C. tích cực
 - D. tiêu cực
- ANSWER: A

36. Những gì mà nhà quản lý chọn để đo lường phần lớn được xác định bởi _____.

- A. những gì mà tổ chức làm tốt
- B. cơ cấu của tổ chức
- C. hình ảnh của công ty
- D. các nhà lãnh đạo và phong cách lãnh đạo của những người trong tổ chức

ANSWER: A

37. Bước thứ hai trong quy trình kiểm soát là _____.

- A. so sánh thành tích công việc với tiêu chuẩn
- B. đo lường thành tích công việc thực tế
- C. so sánh một tiêu chuẩn với một điều kiện lý tưởng
- D. hành động

ANSWER: A

38. Phương pháp đo lường thành tích công việc nào dưới đây thì nhanh chóng và là một nền tảng tốt để phản hồi, nhưng nó có thể cần tính riêng tư và cần lên lịch trước?

- A. báo cáo bằng lời nói
- B. quản trị thông qua tiếp xúc nhân viên (MBWA)
- C. báo cáo bằng văn bản
- D. báo cáo thống kê

ANSWER: A

39. Khi thành tích công việc trên thực tế (actual performance) nằm ngoài phạm vi biến động có thể chấp nhận được, nó được gọi là _____.

- A. sai lệch đáng kể
- B. sai lệch không đáng kể
- C. sai lệch có thể chấp nhận được
- D. sai lệch lớn

ANSWER: A

40. Bước đầu tiên trong quy trình kiểm soát là _____.

- A. đo lường thành tích công việc thực tế
- B. hành động
- C. so sánh thành tích công việc với tiêu chuẩn
- D. so sánh một tiêu chuẩn với một lý tưởng

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (02 câu hỏi; 5.0 điểm)

Câu 1: (2.0 điểm)

Bạn hãy điền vào các chỗ trống sau:

1. Môi trường bên ngoài có thể ảnh hưởng đến hoạt động của một tổ chức. Môi trường ổn định và đơn giản thể hiện mức độ không chắc chắn của môi trường (a) _____. Môi trường năng động và phức tạp thể hiện mức độ không chắc chắn của môi trường (b) _____.

2. Nếu sự gắn kết trong nhóm cao nhưng mục tiêu của nhóm không phù hợp với mục tiêu của tổ chức, năng suất làm việc (a) _____. Nếu sự gắn kết trong nhóm thấp và mục tiêu của nhóm phù hợp với mục tiêu của tổ chức, năng suất sẽ (b) _____. Khi sự gắn kết thấp và mục tiêu nhóm không phù hợp với mục tiêu tổ chức, sự gắn kết (c) _____ năng suất làm việc.

3. Mục đích chính của các hoạt động tuyển chọn nhân sự là giảm xác suất mắc lỗi từ chối hoặc lỗi chấp nhận, trong khi đó tăng xác suất đưa ra quyết định đúng. Điều đó được thực hiện bằng cách sử dụng các quy trình tuyển chọn (a) ____ và (b) ____.

Câu 2: (3.0 điểm)

Ở một trường trung học phổ thông, nhiều lớp sử dụng mạng xã hội để liên lạc giữa thầy cô và học sinh, trong đó có thầy Bình - giáo viên chủ nhiệm lớp 10A. Ở lớp 10A, thầy Bình sử dụng Facebook làm nền tảng để cập nhật tất cả tin tức liên quan đến kết quả học tập của học sinh. Thầy nghĩ rằng, vì mọi người đều quen thuộc với Facebook, đây sẽ là cách tốt nhất để nhanh chóng thông báo cho cả học sinh lẫn phụ huynh về tiến độ học tập, thời hạn bài tập, và các sự kiện của trường. Thầy Bình đã tạo một nhóm Facebook riêng tư, mời tất cả học sinh tham gia và mời thêm phụ huynh vào nhóm để họ có thể theo dõi thông tin về con em mình.

Ban đầu, thầy Bình nhận thấy việc sử dụng Facebook mang lại nhiều lợi ích. Nền tảng này cho phép thầy gửi thông tin tức thời và nhận được phản hồi nhanh. Thầy có thể tải lên tài liệu học tập, chia sẻ tài liệu bổ sung, và thậm chí nhắc nhở học sinh về thời hạn bài tập một cách nhanh chóng. Đối với phụ huynh, nhóm Facebook này đưa ra một cách thức dễ dàng để theo dõi việc học của con mình so với các phương thức truyền thống như điện thoại hay thư từ. Những phụ huynh trước đây khó liên lạc nay đã tích cực tham gia trao đổi về tình hình học tập của con em họ. Một số phụ huynh bận rộn công việc vẫn có thể theo dõi tình hình của con em mình và trao đổi với thầy Bình mà không cần phải trực tiếp đến trường.

Tuy nhiên, thầy Bình nhanh chóng nhận ra rằng việc sử dụng Facebook cũng mang lại một số thách thức. Một trong những vấn đề đầu tiên là hành vi của học sinh trong nhóm. Một số em tỏ ra khá thoải mái, đăng tải những hình ảnh, câu chuyện đùa, và những bình luận không liên quan đến học tập, thậm chí có phân cực nhả, trong các cuộc thảo luận nghiêm túc. Điều này khiến những thông tin quan trọng bị trôi mất, gây ra sự nhầm lẫn cho học sinh về thời hạn bài tập hoặc ngày thi. Thầy Bình phải dành thêm thời gian để quản lý nhóm, xóa các bài viết không phù hợp và nhắc nhở học sinh tập trung vào việc học.

Một vấn đề khác liên quan đến quyền riêng tư. Dù thầy đã đặt nhóm ở chế độ riêng tư, một số phụ huynh vẫn lo lắng về việc sử dụng mạng xã hội để thảo luận về kết quả học tập của con em họ. Họ lo sợ rằng thông tin liên lạc hoặc các hình ảnh cá nhân của học sinh và bản thân họ có thể bị vô tình chia sẻ hoặc lộ ra ngoài, ngay cả khi đã thiết lập quyền riêng tư. Một số phụ huynh cũng đặt câu hỏi liệu Facebook có phải là môi trường phù hợp để thảo luận về các vấn đề nghiêm trọng như học lực kém hoặc các vấn đề hành vi hay không.

Thêm vào đó, không phải tất cả học sinh đều có quyền truy cập vào Facebook. Một số em sống trong những gia đình hạn chế sử dụng mạng xã hội hoặc không có kết nối internet ổn định. Những học sinh này thường bỏ lỡ các thông báo quan trọng. Thầy Bình phải tìm cách khác để thông báo cho những học sinh này, dẫn đến việc thông tin không được đồng nhất trong lớp.

Dù gặp nhiều khó khăn, thầy Bình vẫn nhận thấy Facebook có tiềm năng trở thành một công cụ giao tiếp hiệu quả nếu được sử dụng đúng cách. Thầy biết rằng để tăng hiệu quả sử dụng, thầy cần áp dụng những quy tắc nghiêm ngặt hơn và quản lý nội dung của nhóm tốt hơn.

Câu hỏi:

- a. Bạn hãy nêu ra ba lợi ích và ba hạn chế của việc sử dụng mạng xã hội ở trường học trong việc giao tiếp với các bên liên quan. (1.5đ)
- b. Ban lãnh đạo trường nên đưa ra các biện pháp kiểm soát cụ thể nào đối với việc sử dụng mạng xã hội của giáo viên trong trường? (1.5đ)

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		5.0	
Câu 1 – 40	A	0.125 x 40	
II. Tự luận		5.0	
Câu 1	1. (a) thấp nhất; (b) cao nhất	0.5	
	2. (a) giảm (0.25đ); (b) tăng lên, nhưng không nhiều bằng khi nhóm có cả tính gắn kết cao và mục tiêu phù hợp với mục tiêu của tổ chức (0.5đ); (c) không ảnh hưởng (0.25đ)	1.0	
	3. (a) đáng tin cậy (hoặc hợp lệ); (b) hợp lệ (hoặc đáng tin cậy)	0.5	
Câu 2	a. SV nêu ra các ý sau, hoặc các ý tương đương khác: Lợi ích: - giao tiếp nhanh chóng và kịp thời: chia sẻ tài liệu, nhắc nhở các thời hạn (0.25đ) - tăng cường tương tác hai chiều, tham gia thảo luận: những phụ huynh trước đây khó liên lạc nay đã tích cực tham gia trao đổi về tình hình học tập của con em họ (0.25đ) - tiết kiệm chi phí, có phạm vi tiếp cận rộng lớn: thông tin được chuyên tới nhiều học sinh và phụ huynh cùng lúc mà không cần phải trực tiếp gặp mặt (0.25đ) Hạn chế: - thiếu trang trọng, gây xao nhãng: học sinh đăng tải nội dung không phù hợp, khiến những thông tin quan trọng bị trôi mất, gây ra sự nhầm lẫn (0.25đ) - lo ngại về quyền riêng tư và bảo mật: phụ huynh lo sợ rằng thông tin liên lạc hoặc các hình ảnh cá nhân của học sinh và bản thân họ có thể bị vô tình chia sẻ hoặc lộ ra ngoài (0.25đ) - bất bình đẳng trong việc tiếp cận: không phải tất cả sinh viên hay các bên liên quan đều có quyền truy cập mạng xã hội hoặc internet một cách đồng đều (0.25đ)	1.5	

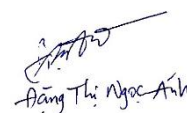
	b. SV đưa ra các biện pháp sau đây, hoặc các biện pháp hợp lí khác: Kiểm soát lường trước: - chọn lọc nền tảng: nhà trường cần thống nhất chọn ra nền tảng chính được dùng trong trường, hoặc yêu cầu giảng viên đề xuất và phê duyệt đề xuất của giáo viên về nền tảng mà giáo viên chọn, và công bố với học sinh và giáo viên. (0.25đ) - đào tạo và nâng cao nhận thức: giáo viên cần được đào tạo về cách sử dụng mạng xã hội một cách có trách nhiệm, bao gồm các thực hành tốt nhất để quản lý nội dung, bảo vệ quyền riêng tư, và xử lý các hành vi trục trặc. Đào tạo cũng nên bao gồm các khía cạnh pháp lý liên quan đến bảo vệ dữ liệu và an toàn của học sinh. (0.25đ) Kiểm soát đồng thời: - quản lý và giám sát: giáo viên cần chủ động giám sát nội dung được đăng tải trong nhóm để đảm bảo tuân thủ các quy định của trường. Họ cần có quyền xóa các bài đăng không phù hợp, cảnh báo học sinh vi phạm và can thiệp nếu có xung đột hoặc sử dụng sai mục đích. (0.25đ) - khuyến khích sự tham gia của phụ huynh: nhà trường nên khuyến khích phụ huynh tham gia các nhóm mạng xã hội để theo dõi và tham gia vào quá trình học tập của con em mình. Điều này đảm bảo tính minh bạch và giảm thiểu hiểu lầm trong giao tiếp. (0.25đ) Kiểm soát thông tin phản hồi: - đánh giá và phản hồi: nhà trường nên thường xuyên đánh giá việc sử dụng mạng xã hội của giáo viên. Các ý kiến phản hồi từ học sinh, phụ huynh và giáo viên cần được thu thập để đánh giá hiệu quả của nền tảng và thực hiện các điều chỉnh cần thiết. (0.25đ) - kiểm tra bảo mật dữ liệu: Nhà trường cần thực hiện các cuộc kiểm tra thường xuyên để đảm bảo thông tin cá nhân chia sẻ trên mạng xã hội tuân thủ các quy định về bảo mật. Nếu cần, có thể điều chỉnh lại các cài đặt bảo mật hoặc chính sách sử dụng nền tảng. (0.25đ)	1.5	
	Điểm tổng	10.0	

Người duyệt đề

Nguyễn Vũ Huy

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2024

Giảng viên ra đề


Đặng Thị Ngọc Anh